

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 27-6-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Nh, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Xóm 4, xã DH, huyện D, Nghệ An. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Xuân T, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Xóm 4, xã DH, huyện D, Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2017, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Nh trình bày: chị và anh Ngô Xuân T có quan hệ họ hàng xa, anh T gọi chị bằng thím, nhà ở gần nhau. Ngày 15/5/2017 chị cho anh T vay 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), lãi suất 4.000.000đồng (bốn triệu đồng)/ngày. Hẹn ngày 30/5/2017 anh T sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Khi vay anh T có thể chấp nhà và đất, nhưng chỉ đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không làm thủ tục gì tại cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra anh T còn nợ chị 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) tiền phường chưa thanh toán. Chị và anh T đã ngồi lại thống nhất cả tiền phường còn nợ và tiền vay mới, anh T còn nợ chị 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi

triệu đồng), lãi suất tính từ ngày 15/5 đến 30/5/2017 là 4.000.000đồng (bốn triệu đồng)/ngày. Anh T chưa trả tiền cho chị, mặc dù chị đã đòi nợ nhiều lần. Chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện D buộc anh T trả cho chị tiền gốc 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng), tiền lãi 03 tháng = 6.300.000đồng (sáu triệu, ba trăm ngàn đồng), tổng cộng 146.300.000đồng (một trăm, bốn sáu triệu, ba trăm ngàn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị thay đổi một phần nội dung khởi kiện, yêu cầu anh T trả cho chị 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng) tiền gốc. Và chị chỉ yêu cầu tiền lãi của 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) từ khi vay cho đến khi xét xử 12 tháng x 0,75 (mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng) x 70.000.000đồng = 6.300.000đồng, và lãi suất tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng cho đến khi trả xong.

Bị đơn anh Ngô Xuân T vắng mặt. Bản tự khai và Đơn đề nghị, anh thừa nhận anh và bà Nh có quan hệ họ hàng, anh gọi bà Nh bằng thím và anh có vay tiền của bà Nh. Ngày 15/5/2017 anh vay bà Nh 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) tiền mặt. Trước đó, bà Nh có tính các khoản lật vặt và tiền phường tổng cộng 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng). Như vậy, tổng số tiền anh nợ bà Nh 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng). Bà Nh khởi kiện yêu cầu anh trả nợ, anh đồng ý trả, do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ, anh xin bà Nh phần lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu ý kiến: về thủ tục tố tụng việc tuân theo pháp luật từ thụ lý, thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án, tổng đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của thẩm phán là hoàn toàn đúng luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có gì vi phạm về thủ tục. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh, buộc anh Ngô Xuân T có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nh 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi 6.300.000đồng (sáu triệu, ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại xóm 4, xã DH, huyện D. Theo quy định tại khoản 2 điều 26, điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn anh Ngô Xuân T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 4, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An. Đang có mặt tại địa phương. Anh đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập. Anh biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Nh và anh, nhưng cố tình trốn tránh, không đến Tòa án làm việc, như vậy anh T đã từ bỏ quyền được tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày

31/5/2018, anh T vắng mặt không có lý do, phiên tòa lần thứ hai anh tiếp tục vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ngô Xuân T.

Tại phiên tòa, chị Nh yêu cầu anh Tám trả cho chị số tiền gốc: 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng). Tiền lãi của 70.000.000đồng từ khi vay cho đến khi xét xử 12 tháng x 0,75 (mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng) x 70.000.000đồng = 6.300.000đồng, tổng cộng 146.300.000đồng (một trăm, bốn mươi sáu triệu, ba trăm ngàn đồng). Lãi suất của số tiền gốc 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng) tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng cho đến khi trả xong.

Hai bên đương sự trình bày thống nhất: thời gian vay, số tiền vay ngày 15/5/2017: 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng). Số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) trước đó, theo chị Nh là tiền phường. Theo anh T là tiền lật vật và tiền phường, tuy không thống nhất về nguồn gốc nhưng thống nhất về số tiền. Và anh T cũng thừa nhận đang nợ chị Nh 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng). Hai bên có lập giấy vay tiền và thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, mức lãi suất 4.000.000đồng/ngày/70.000.000đồng là quá cao, vi phạm quy định của pháp luật, nhưng chị Nh chỉ yêu cầu được tính lãi 12 tháng x 0,75 (mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng) x 70.000.000đồng = 6.300.000đồng. Xét đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, giao dịch được thực hiện vào năm 2017.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh, buộc anh T có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nh số tiền gốc 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng), tiền lãi 6.300.000đồng (sáu triệu, ba trăm ngàn đồng).

Án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Nh buộc anh Ngô Xuân T có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nh số tiền gốc 140.000.000đồng (một trăm, bốn mươi triệu đồng), tiền lãi 6.300.000đồng (sáu triệu, ba trăm ngàn đồng). Tổng cộng: 146.300.000đồng (một trăm, bốn mươi sáu triệu, ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật

thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14, buộc anh T phải chịu 7.315.000đồng (bảy triệu, ba trăm, mười lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Trần Thị Nh 3.650.000đồng (ba triệu, sáu trăm, năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004331 ngày 30/10/2017.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + lưu trữ.

(Đã ký)

Nguyễn Danh Hùng